

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26-11-2020

Về việc “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/QĐS-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 08/2020/QĐ-TA ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà A16, tổ 2, ấp P, xã P, huyện L, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Chị Đoàn Thị Ái Y, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 45Ô4, khu phố H, thị trấn L, huyện L, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Thanh M trình bày:

Anh Nguyễn Thanh M và chị Đoàn Thị Ái Y là vợ chồng hợp pháp, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào, khi đến với nhau được sự đồng ý của hai bên gia đình và có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 191, quyền số 01/2014 ngày 29/10/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với gia đình chị Y tại thị trấn L, huyện L. Do trước khi quyết định đến với nhau không có nhiều thời gian để tìm hiểu nên khi về chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng lẫn nhau. Mỗi khi mâu thuẫn xảy ra không nhường nhịn nhau mà ai cũng có quan điểm riêng của mình, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung ngột ngạt. Thời gian đầu gia đình hai bên có khuyên can, hòa giải để cho vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng sau đó cũng để mặc tự giải quyết với nhau.

Đến năm 2016, do không thể sống chung với chị Y nên anh M về bên nhà cha mẹ ruột của mình ở xã P sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian này vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau mà mạnh ai nấy sống.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và mong muốn trả tự do cho nhau nên anh M yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M yêu cầu được ly hôn với chị Y.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn An N, sinh ngày 19/3/2015, hiện nay đang ở với chị Y và gia đình bên ngoại. Anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn chị Đoàn Thị Ái Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Theo kết quả xác minh tại địa phương:

Chị Đoàn Thị Ái Y, sinh năm: 1993, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 45Ô4, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (chủ hộ là ông Đoàn Đức H).

Sau khi kết hôn anh M và chị Y về sinh sống với gia đình bên chị Y tại thị trấn L, huyện L, đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, (không nắm rõ nguyên nhân) nên anh M bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đó cho đến nay. Anh M và chị Y có 01 con chung tên là Nguyễn An N, sinh ngày 19/3/2015 hiện nay đang sống với chị Y và gia đình tại thị trấn L.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Y đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do.

Anh M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhưng đồng ý giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh M được ly hôn với chị Y, giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện anh M yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị Y được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị Y tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa –

Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo anh M, trước khi quyết định đến với nhau do không tìm hiểu kỹ nên khi về chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tôn trọng lẫn nhau. Mỗi khi mâu thuẫn xảy ra không ai nhường nhịn ai, mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gia đình cha mẹ hai bên thời gian đầu có khuyên can, hòa giải nhưng sau đó cũng để mặc cho vợ chồng tự giải quyết với nhau. Đến năm 2016, do không thể sống chung với chị Y nên anh M về bên nhà cha mẹ ruột ở và sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau mà masing ai nấy sống. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì anh M, chị Y chung sống với nhau đến năm 2016 thì mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, phù hợp với lời trình bày của anh M. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của anh M là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn An N, sinh ngày 19/3/2015, hiện nay đang ở với chị Y. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh M đồng ý giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng theo khả năng của mình. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân con chung ở với chị Y và gia đình bên ngoại, để tránh làm ảnh hưởng đến quá trình sinh hoạt cũng như tâm sinh lý của con chung nên giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và không trái với nguyện vọng của anh M. Nếu như, trong quá trình chăm sóc nuôi dưỡng chị Y không chăm lo cho con đầy đủ, chu đáo làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con thì anh M có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh M là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh M về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với chị Đoàn Thị Ái Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh M được ly hôn với chị Đoàn Thị Ái Y.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn An N, sinh ngày 19/3/2015 cho chị Đoàn Thị Ái Y trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Nguyễn Thanh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0004064 ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Tỉnh (số 191, quyền số 01/2014 ngày 29/10/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án....

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Đức

